ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ XUÂN HƯNG

GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG XÃ XUÂN VINH, HUYỆN XUÂN TRƯỜNG (NAY LÀ XÃ XUÂN HƯNG, TỈNH NINH BÌNH)

(Kèm theo Quyết định số 2546 /QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND xã Xuân Hưng

STT	Số lô	Diện tích (m²)	Tiếp giáp đường	Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 21/7/2023				Giá khởi điểm (đồng/m²)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
				Vị trí	Khu vực	Giá theo quyết định (đồng/m²)	Hệ số			
1	Lô 1	113,7	Đường N1; D1	1	Đường N1 tiếp giáp tỉnh lộ 489	9.000.000	1,0	9.000.000	1.023.300.000	Lô góc
2	Lô 2	85,1	Đường N1			9.000.000	1,0	9.000.000	765.900.000	
3	Lô 3	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
4	Lô 4	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
5	Lô 5	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
6	Lô 6	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
7	Lô 7	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
8	Lô 8	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
9	Lô 9	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
10	Lô 10	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
11	Lô 11	115,2				9.000.000	1,0	9.000.000	1.036.800.000	
12	Lô 12	102,7	Đường N1; D2			9.000.000	1,0	9.000.000	924.300.000	Lô góc
13	Lô 13	85,0	Đường N1			9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
14	Lô 14	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
15	Lô 15	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
16	Lô 16	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
17	Lô 17	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
18	Lô 18	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
19	Lô 19	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
20	Lô 20	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
21	Lô 21	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
22	Lô 22	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
23	Lô 23	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
24	Lô 24	85,0	Đường N1			9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
25	Lô 25	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
26	Lô 26	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
27	Lô 27	85,0				9.000.000	1,0	9.000.000	765.000.000	
28	Lô 28	112,8	Đường N1; D3			9.000.000	1,0	9.000.000	1.015.200.000	Lô góc
29	Lô 29	106,4	Đường N2; D3	1	Đường còn lại trong khu dân cư	8.000.000	1,0	8.000.000	851.200.000	Lô góc
30	Lô 30	113,5	Đường N2			8.000.000	1,0	8.000.000	908.000.000	
31	Lô 31	115,5				8.000.000	1,0	8.000.000	924.000.000	
32	Lô 32	115,5				8.000.000	1,0	8.000.000	924.000.000	
33	Lô 33	115,4				8.000.000	1,0	8.000.000	923.200.000	
34	Lô 34	115,4				8.000.000	1,0	8.000.000	923.200.000	
35	Lô 35	115,4				8.000.000	1,0	8.000.000	923.200.000	
36	Lô 36	115,4				8.000.000	1,0	8.000.000	923.200.000	
37	Lô 37	115,4				8.000.000	1,0	8.000.000	923.200.000	
38	Lô 38	115,3				8.000.000	1,0	8.000.000	922.400.000	
39	Lô 39	99,1	Đường N2; D2			8.000.000	1,0	8.000.000	792.800.000	Lô góc
40	Lô 40	116,5				8.000.000	1,0	8.000.000	932.000.000	Lô góc
41	Lô 41	99,0	Đường N2			8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
42	Lô 42	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
43	Lô 43	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
44	Lô 44	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
45	Lô 45	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
46	Lô 46	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
47	Lô 47	99,0	Đường N2			8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
48	Lô 48	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
49	Lô 49	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
50	Lô 50	99,0				8.000.000	1,0	8.000.000	792.000.000	
51	Lô 51	121,3	Đường N2; D1			8.000.000	1,0	8.000.000	970.400.000	Lô góc
52	Lô 52	96,5	Đường N2; N3			8.000.000	1,0	8.000.000	772.000.000	
53	Lô 53	93,2				8.000.000	1,0	8.000.000	745.600.000	
54	Lô 54	114,4				8.000.000	1,0	8.000.000	915.200.000	
55	Lô 55	135,5				8.000.000	1,0	8.000.000	1.084.000.000	
56	Lô 56	144,7				8.000.000	1,0	8.000.000	1.157.600.000	
57	Lô 57	147,6	Đường N2; N3; D2			8.000.000	1,0	8.000.000	1.180.800.000	Lô góc
58	Lô 58	86,2	Đường N2; D2			8.000.000	1,0	8.000.000	689.600.000	Lô góc
59	Lô 59	107,8	Đường N2			8.000.000	1,0	8.000.000	862.400.000	
60	Lô 60	107,8				8.000.000	1,0	8.000.000	862.400.000	
61	Lô 61	107,8				8.000.000	1,0	8.000.000	862.400.000	
62	Lô 62	107,8				8.000.000	1,0	8.000.000	862.400.000	
63	Lô 63	107,8				8.000.000	1,0	8.000.000	862.400.000	
64	Lô 64	106,6	Đường N2; D3			8.000.000	1,0	8.000.000	852.800.000	Lô góc
65	Lô 65	88,7	Đường N3; D3			8.000.000	1,0	8.000.000	709.600.000	Lô góc
66	Lô 66	108	Đường N3			8.000.000	1,0	8.000.000	864.000.000	
67	Lô 67	108				8.000.000	1,0	8.000.000	864.000.000	
68	Lô 68	108				8.000.000	1,0	8.000.000	864.000.000	
69	Lô 69	108				8.000.000	1,0	8.000.000	864.000.000	
70	Lô 70	86,4	Đường N3; D2			8.000.000	1,0	8.000.000	691.200.000	Lô góc
71	Lô 71	94,2	Đường N3			8.000.000	1,0	8.000.000	753.600.000	
72	Lô 72	98				8.000.000	1,0	8.000.000	784.000.000	
73	Lô 73	122				8.000.000	1,0	8.000.000	976.000.000	
74	Lô 74	146,1				8.000.000	1,0	8.000.000	1.168.800.000	
75	Lô 75	122,6				8.000.000	1,0	8.000.000	980.800.000	
Tổng	75	**7.608,3**							**63.350.900.000**	